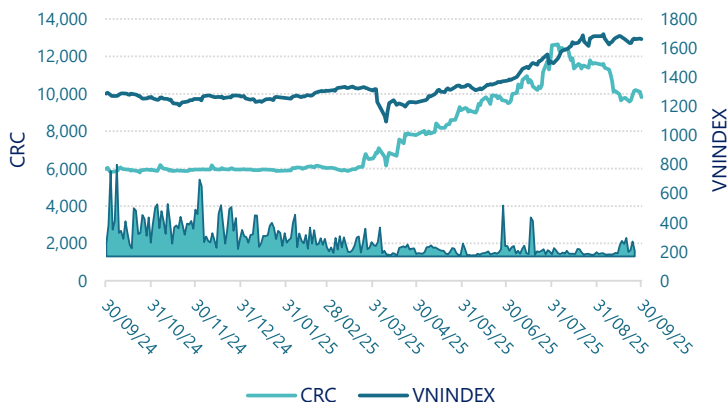




CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,820
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,789
SL cổ phiếu LH	68,399,924
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,397,623
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	672
P/E	13.1
EPS	750

DT thuần

Q3/25

97.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼42.8 | -30.6%

YoY: ▼2.80 | -2.8%

LN sau thuế

Q3/25

15.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.90 | 13.9%

YoY: ▲ 6.33 | 67.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

22.2%

+/- YoY: ▲ 6.0%

DT thuần

9T 2025

368

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 46.0 | 14.4%

LN sau thuế

9T 2025

43.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼11.1 | -20.2%

ROE

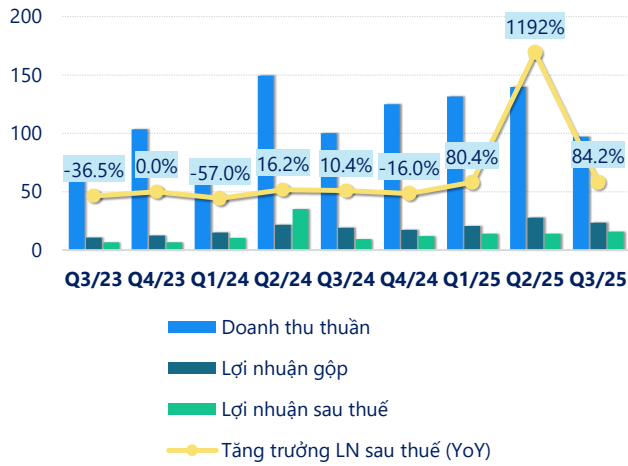
Q3/25

6.1%

+/- YoY: ▼ 3.8%

tỷ VNĐ

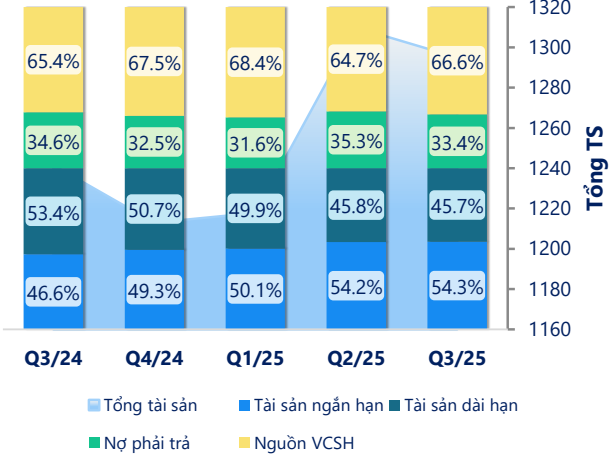
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

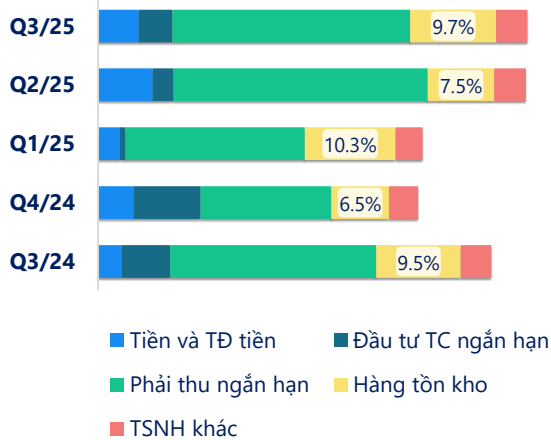
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



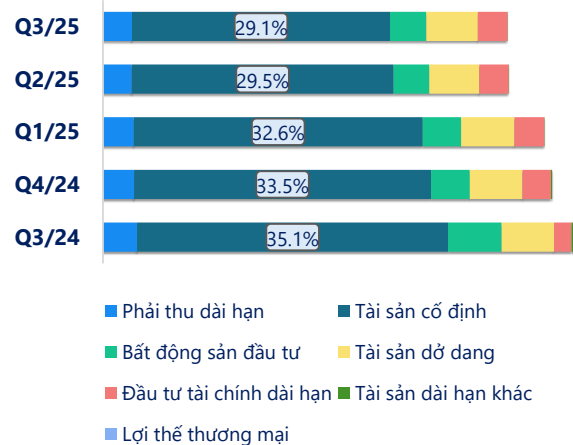
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

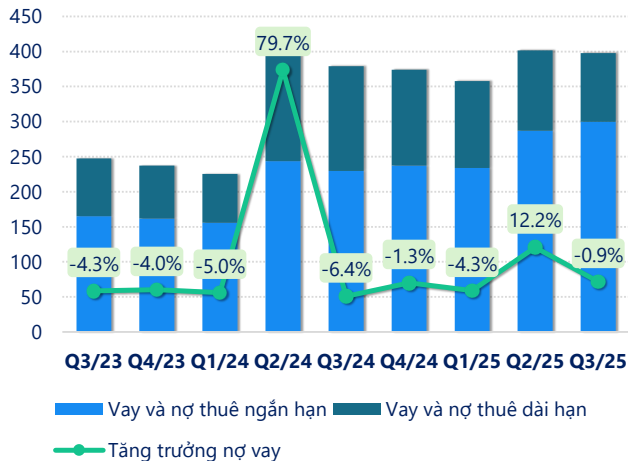
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

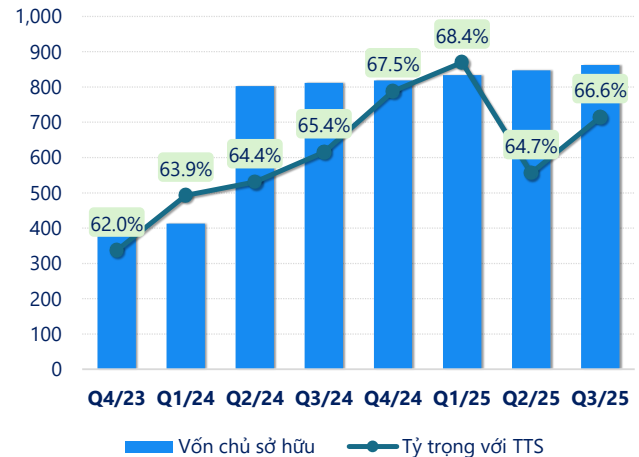
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

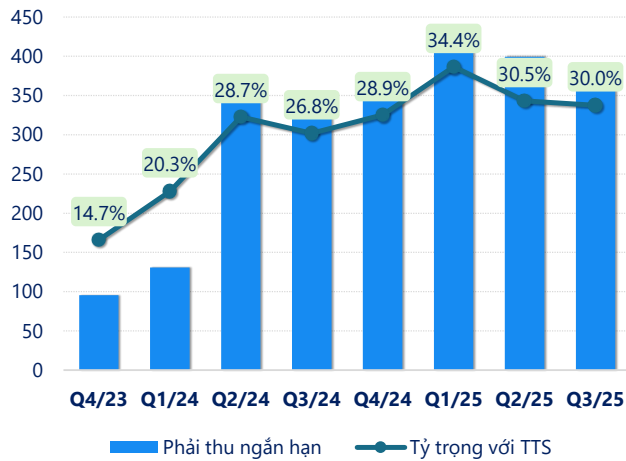
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



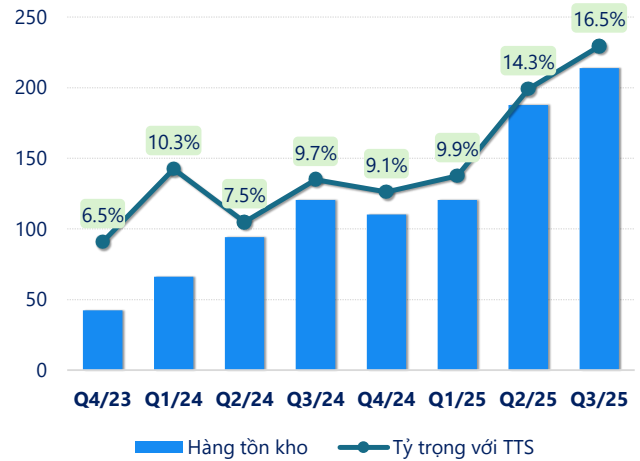
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


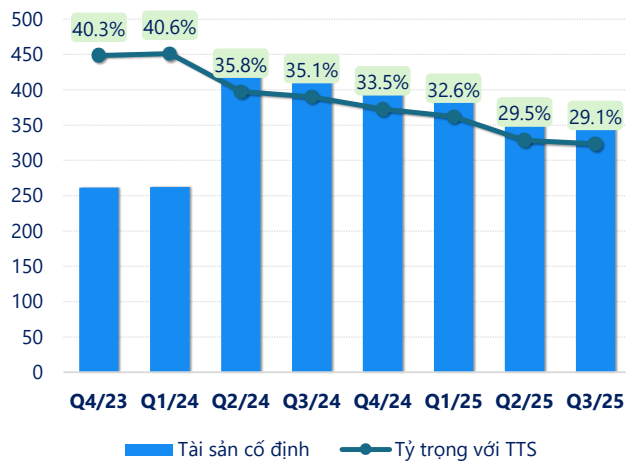
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


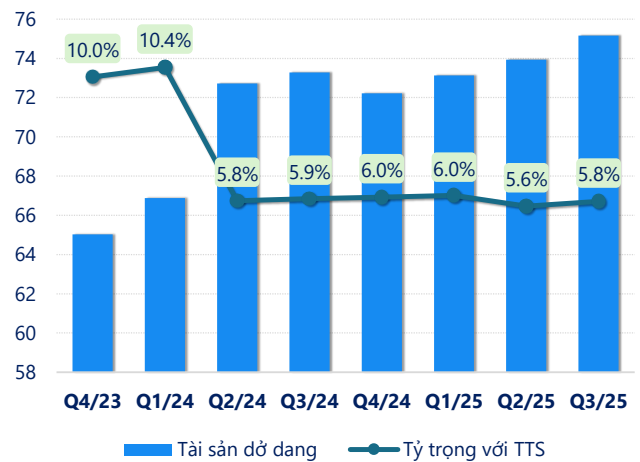
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

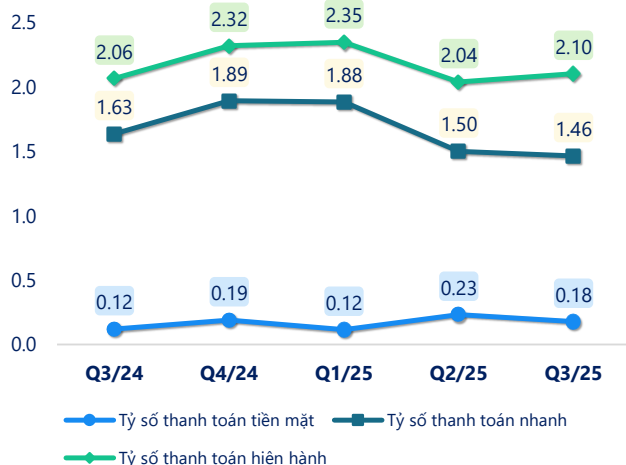
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

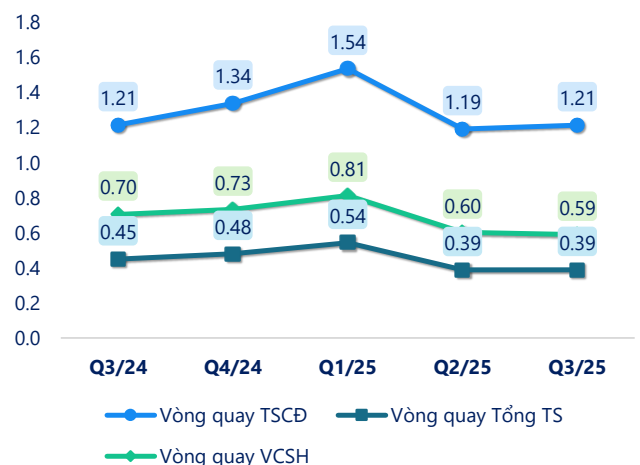
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,241	1,213	1,218	1,310	1,295
Tài sản ngắn hạn	578	598	611	710	704
Tiền và tương đương tiền	33.6	48.8	30.0	80.7	59.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.1	49.6	4.20	5.83	5.83
Phải thu ngắn hạn	333	351	418	399	389
Hàng tồn kho	121	110	121	188	214
Tài sản ngắn hạn khác	43.8	39.0	37.4	36.0	36.0
Tài sản dài hạn	663	615	607	600	591
Phải thu dài hạn	48.0	42.5	42.5	42.5	42.5
Tài sản cố định	436	407	397	387	377
Bất động sản đầu tư	75.0	53.0	53.0	53.0	53.0
Tài sản dở dang	73.3	72.2	73.1	73.9	75.2
Đầu tư tài chính dài hạn	24.8	39.1	41.4	43.5	43.5
Tài sản dài hạn khác	2.75	1.45	0.38	0.33	0.26
Lợi thế thương mại	3.87	0	0	0	0
Nợ phải trả	430	395	384	463	433
Nợ ngắn hạn	280	258	260	348	335
Vay và nợ thuê ngắn hạn	230	237	234	287	300
Phải trả người bán ngắn hạn	30.3	14.1	18.5	47.1	17.1
Nợ dài hạn	150	137	124	114	98.1
Vay và nợ thuê dài hạn	150	137	124	114	98.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	812	818	833	847	862
Vốn chủ sở hữu	812	818	833	847	862
Vốn điều lệ	600	600	600	684	684
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)